

Số: 28 /2020/QĐST-HNGĐ

Yên Khánh, ngày 05 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 33/2020/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị G – Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Xóm 3, thôn Thổ M, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn T – Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm 7, thôn Bình H, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Trần Thị G và anh Phạm Văn T.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về con chung(riêng):** Giao cháu Phạm Trần Thị Phương A, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2017 cho chị Trần Thị G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Phạm Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Phương A cho chị Trần Thị G và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Chị Trần Thị G và anh Phạm Văn T không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp:** Chị Trần Thị G và anh Phạm Văn T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung (riêng) và công nợ vợ chồng không có; còn về đất nông nghiệp được chia cùng với gia đình trước khi kết hôn, do vậy nay ly hôn chị G và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.3. Về án phí:** Chị Trần Thị G nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002183 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Hoàn trả lại cho chị Trần Thị G số tiền là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh H.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án

**THẨM PHÁN**

**Vũ Nhật Trung.**